

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	02-03
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	04-05
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	06-07
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	08-43

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		963,440,427,107	948,686,323,869
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	79,507,994,666	69,971,637,261
1. Tiền	111		24,387,994,666	19,851,637,261
2. Các khoản tương đương tiền	112		55,120,000,000	50,120,000,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	26,000,000,000	24,000,000,000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		26,000,000,000	24,000,000,000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		373,114,912,178	409,754,679,751
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	201,406,253,447	195,827,939,789
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	8	135,949,647,775	213,515,202,289
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	9	35,759,010,956	411,537,673
IV. Hàng tồn kho	140	10	472,469,523,784	438,414,293,965
1. Hàng tồn kho	141		472,469,523,784	438,414,293,965
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		12,347,996,479	6,545,712,892
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	5,333,646,014	5,298,928,027
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		7,013,950,465	1,246,384,865
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	19	400,000	400,000
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		163,287,940,210	120,456,236,447
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		150,000,000	150,000,000
1. Phải thu dài hạn khác	216	9	150,000,000	150,000,000
II. Tài sản cố định	220		96,129,386,845	99,641,941,556
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	92,643,242,344	95,832,948,221
- Nguyên giá	222		175,404,512,556	175,241,512,556
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(82,761,270,212)	(79,408,564,335)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	13	159,270,834	221,145,834
- Nguyên giá	225		990,000,000	990,000,000
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(830,729,166)	(768,854,166)
3. Tài sản cố định vô hình	227	14	3,326,873,667	3,587,847,501
- Nguyên giá	228		6,098,456,667	6,098,456,667
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,771,583,000)	(2,510,609,166)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	11	48,484,673,227	3,484,769,913
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		48,484,673,227	3,484,769,913
VI. Tài sản dài hạn khác	260		18,523,880,138	17,179,524,978
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	15	14,836,115,620	15,131,570,386
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	22	2,495,358,354	1,621,830,623
3. Lợi thế thương mại	269		1,192,406,164	426,123,969
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1,126,728,367,317	1,069,142,560,316

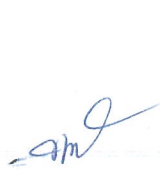
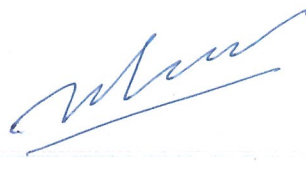
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2024

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2024	01/01/2024
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		637,837,848,016	587,618,419,038
I. Nợ ngắn hạn	310		632,460,348,016	581,778,469,038
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	95,240,075,468	91,018,311,346
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	19,208,645,863	8,753,444,018
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	26,272,067,052	24,895,455,311
4. Phải trả người lao động	314		3,171,420,607	3,628,026,050
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	438,279,632
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	7,274,400,013	162,194,443
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	481,293,739,013	452.882,758,238
II. Nợ dài hạn	330		5,377,500,000	5,839,950,000
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	5,377,500,000	5.839,950,000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		488,890,519,301	481,524,141,278
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	488,890,519,301	481,524,141,278
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		249,998,550,000	249,998,550,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		249,998,550,000	249,998,550,000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		79,978,400,000	79,978,400,000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		1,698,273,899	1,698,273,899
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		144,463,368,670	137,172,879,256
- LNST chưa phân phối lũy kết đến cuối năm trước	421a		137,172,879,256	91,935,549,404
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		7,290,489,414	45,237,329,852
6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		12,751,926,732	12,676,038,123
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+ 400)	440		1,126,728,367,317	1,069,142,560,316


Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởngLê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

MÃ SỐ B 02-DN
Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý I năm 2024		Quý I năm 2023		Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024		Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023	
			VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	313,861,368,640	215,929,964,126	313,861,368,640	215,929,964,126				
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	25	4,268,348,269	2,123,626,650	4,268,348,269	2,123,626,650				
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10		309,593,020,371	213,806,337,476	309,593,020,371	213,806,337,476				
4. Giá vốn hàng bán	11	26	276,807,127,525	185,402,357,464	276,807,127,525	185,402,357,464				
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		32,785,892,846	28,403,980,012	32,785,892,846	28,403,980,012				
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	2,214,645,861	251,509,578	2,214,645,861	251,509,578				
7. Chi phí tài chính	22	28	6,879,307,721	8,110,323,307	6,879,307,721	8,110,323,307				
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		6,820,097,999	7,684,466,665	6,820,097,999	7,684,466,665				
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-	-	-				
9. Chi phí bán hàng	25	29	13,332,461,493	6,457,386,391	13,332,461,493	6,457,386,391				
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	6,187,613,020	5,411,523,601	6,187,613,020	5,411,523,601				
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)+24-(25+26))	30		8,601,156,473	8,676,256,291	8,601,156,473	8,676,256,291				
12. Thu nhập khác	31		34,903,676	596,063,701	34,903,676	596,063,701				
13. Chi phí khác	32		53,640,089	1,205,306,174	53,640,089	1,205,306,174				
14. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(18,736,413)	(609,242,473)	(18,736,413)	(609,242,473)				
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		8,582,420,060	8,067,013,818	8,582,420,060	8,067,013,818				

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	2,713,724,043	2,648,541,967	2,713,724,043	2,648,541,967
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	32	(873,527,731)	(788,882,148)	(873,527,731)	(788,882,148)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		6,742,223,748	6,207,353,999	6,742,223,748	6,207,353,999
19. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		7,290,489,414	6,206,383,455	7,290,489,414	6,206,383,455
20. Lợi nhuận sau thuế của Cổ đông không kiểm soát	62		(548,265,666)	970,544	(548,265,666)	970,544
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	292	248	292	248

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

(Theo phương pháp gián tiếp)

MÃ SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 31/03/2024	đến 31/03/2023
			VND	VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8,582,420,060	8,067,013,818
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		3,675,554,711	3,886,568,267
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(751,641,767)	(656,236,517)
- Chi phí lãi vay	06		6,820,097,999	7,684,466,665
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		18,326,431,003	18,981,812,233
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		72,337,333,923	48,404,443,054
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(34,055,229,819)	(137,028,395,988)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		12,963,923,569	3,109,097,390
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		260,736,779	624,495,508
- Tiền lãi vay đã trả	14		(6,820,097,999)	(7,684,466,665)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	202,043,815
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		63,013,097,456	(73,390,970,653)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(163,000,000)	(24,306,699,000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	50,000,000,000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(2,000,000,000)	(9,000,000,000)
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(80,013,912,593)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		751,641,767	60,172,816
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(81,425,270,826)	16,753,473,816
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33		262,247,657,141	372,894,407,127
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(234,248,075,366)	(302,097,878,512)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(51,051,000)	(51,051,000)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(515,231,127)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		27,948,530,775	70,230,246,488

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

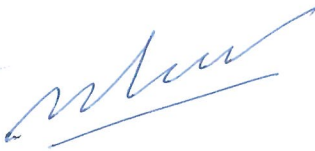
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2024	Từ 01/01/2023
			đến 31/03/2024	đến 31/03/2023
			VND	VND
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		9,536,357,405	13,592,749,651
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		69,971,637,261	9,407,399,768
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5	<u>79,507,994,666</u>	<u>23,000,149,419</u>

Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng




Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

1 . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0105950129 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 23 tháng 07 năm 2012, đăng ký thay đổi lần thứ 15 ngày 06 tháng 01 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 249.998.550.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 03 năm 2024 là 249.998.550.000 đồng; tương đương 24.999.855 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: sản xuất, kinh doanh các loại bánh.

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty là:

- Sản xuất các loại bánh từ bột, sản xuất đường, cacao, sô cô la và mút kẹo;
- Sản xuất mỳ ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự, thức ăn chế biến sẵn;
- Sản xuất rượu vang, sản xuất bia và mạch nha ủ men bia;
- Bán buôn gạo, bán buôn thực phẩm, nhà hàng và các dịch vụ ăn uống lưu động;
- Bán lẻ khác trong cửa hàng kinh doanh tổng hợp, bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

Cấu trúc Tập đoàn

Tổng số công ty con: 4

- Số lượng công ty con được hợp nhất trực tiếp: 3
- Số lượng công ty con được hợp nhất gián tiếp: 1

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công ty có các công ty con được hợp nhất báo cáo tài chính tại thời điểm 31/03/2024 bao gồm:

Tên công ty	Trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Bắc	Hà Nội	90.00%	90.00%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc Miền Nam	TP Hồ Chí Minh	96.72%	96.72%	Sản xuất bánh kẹo
Công ty CP Sản xuất Xuất nhập khẩu Thành Nam	Bình Phước	49.33%	51.00%	Sản xuất và xuất khẩu hạt điều
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam (*)	Hà Nam	99.00%	99.00%	Sản xuất sản phẩm từ plastic

(*) Ngày 15/02/2024, Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc đầu tư vào Công ty TNHH Xuất nhập khẩu thương mại Bảo An Hà Nam với số tiền là 99.000.000.000 đồng, tỷ lệ nắm giữ trực tiếp là 99%.

2 . KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

3 . CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

4 . TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và báo cáo tài chính của các công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của các công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết hoặc đơn vị góp vốn liên doanh, giá trị còn lại của khoản lợi thế thương mại chưa khấu hao hết được tính vào khoản lãi/lỗ do nghiệp vụ nhượng bán công ty tương ứng.

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ

Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ là phần phụ trội lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng đánh giá được của công ty con, công ty liên kết, và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày phát sinh nghiệp vụ mua công ty so với giá phí hợp nhất kinh doanh. Lãi phát sinh từ giao dịch mua rẻ được hạch toán ngay vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản ký quỹ, các khoản đầu tư tài chính và các công cụ tài chính phái sinh.

Công nợ tài chính: Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh. •

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế này được xác định theo nguyên tắc sau:

- Khi mua bán ngoại tệ là tỷ giá được quy định trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng thương mại;
- Khi góp vốn hoặc nhận góp vốn là tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn;
- Khi ghi nhận nợ phải thu là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi ghi nhận nợ phải trả là tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh;
- Khi mua sắm tài sản hoặc thanh toán ngay bằng ngoại tệ là tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản áp dụng tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được phản ánh lũy kế trên Bảng cân đối kế toán và phân bổ dần vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính khi doanh nghiệp đi vào hoạt động. Số phân bổ khoản lỗ tỷ giá tối thiểu trong từng kỳ không nhỏ hơn mức lợi nhuận trước thuế trước khi phân bổ khoản lỗ tỷ giá (sau khi phân bổ lỗ tỷ giá, lợi nhuận trước thuế của báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bằng không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 44	năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15	năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10	năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10	năm
- Tài sản cố định khác	05 - 10	năm

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

- Máy móc, thiết bị	05 - 44	năm
---------------------	---------	-----

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 03 năm đến 05 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm khoản trả trước tiền thuê đất, chi phí bảo hiểm, chi phí cải tạo, sửa chữa, công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Tiền thuê đất thể hiện số tiền thuê đất đã được trả trước. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng, các chi phí quảng cáo và chi phí đào tạo phát sinh trong giai đoạn trước khi Công ty đi vào hoạt động chính thức và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Vay và nợ phải trả thuê tài chính

Giá trị khoản nợ phải trả thuê tài chính là tổng số tiền phải trả được tính bằng giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu hoặc giá trị hợp lý của tài sản thuê.

Các khoản vay và nợ phải trả thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính. Trường hợp vay, nợ bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Vốn khác thuộc Vốn chủ sở hữu phản ánh số vốn kinh doanh được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh hoặc do được tặng, biếu, tài trợ, đánh giá lại tài sản (nếu được phép ghi tăng, giảm Vốn đầu tư của chủ sở hữu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh. Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh các khoản giảm trừ doanh thu thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc: nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo (kỳ trước), và nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất thì ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh (kỳ sau).

Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm

Chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thanh lý, chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong .

Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới Công ty.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

5 . TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	15,315,168,433	7,258,105,379
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	9,072,826,233	12,593,531,882
Các khoản tương đương tiền	55,120,000,000	50,120,000,000
	79,507,994,666	69,971,637,261

Tại 31/03/2024, các khoản tương đương tiền là tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng được gửi tại Ngân hàng TMCP Công thương với lãi suất 2,7%/năm.

6 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn	26,000,000,000	26,000,000,000	24,000,000,000	24,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn	26,000,000,000	26,000,000,000	24,000,000,000	24,000,000,000
	26,000,000,000	26,000,000,000	24,000,000,000	24,000,000,000

Tại 31/12/2023, khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến 12 tháng được gửi tại các Ngân hàng với lãi suất từ 3,25%/năm đến 7,25%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***7 . PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
Công ty Cổ phần Goodchoice Việt Nam	11,285,487,746	11,758,294,480
Công ty CP Thương mại Bách Hóa Xanh	-	283,429,279
Công ty CP Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce	3,297,828,693	4,120,665,490
LLC HAYAT	15,129,453,595	15,728,642,787
UAB BALTIC GATE TERMINAL	21,683,862,145	20,016,812,558
UAB "ATLANTIC WAY"	9,673,362,829	-
Các khoản phải thu khách hàng khác	140,336,258,439	143,920,095,195
	201,406,253,447	195,827,939,789
b) Phải thu khách hàng là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>	-	49,750,865

8 . TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
a) Trả trước cho người bán ngắn hạn				
Công ty CP Đầu tư Aloland ⁽¹⁾	34,002,250,000	-	34,002,250,000	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Hướng Dương Milk Tea Fresh	-	-	6,900,000,000	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An ⁽²⁾	30,741,479,000	-	120,741,479,000	-
Công ty TNHH Thương mại Xuất nhập khẩu Quốc tế Bảo Tín	38,291,579,000	-	-	-
Công ty Cổ phần ABG Việt Nam	-	-	29,779,000,000	-
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ Ánh Thu	2,111,383,369	-	-	-
Công ty cổ phần sản xuất Bao Bì Tây Đô	2,175,011,930	-	-	-
Trả trước khác	28,627,944,476	-	22,092,473,289	-
	135,949,647,775	-	213,515,202,289	-
b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>	9,700,243,139	-	-	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

(1) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng tổng thầu số 1506/2021/HĐKT/BN-CV ngày 15/06/2021 giữa Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc và Công ty CP Đầu tư Phát triển Dịch vụ Thương mại - Chợ truyền thống Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty CP Đầu tư Aloland) về việc xây dựng dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Theo Phụ lục thanh toán số 01/PLHĐ NGÀY 25/06/2021: Đợt 1 sẽ thanh toán sau khi ký phụ lục hợp đồng số tiền 24.002.250.000 VND; đợt 2 là ngày 30/09/2021 tạm ứng tiếp số tiền 10.000.000.000 VND.

(2) Khoản tạm ứng theo Hợp đồng nguyên tắc số 01/2021/HĐNT/BN-BALA ngày 25/03/2021 giữa Công ty CP Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc và Công ty TNHH BaLa Việt Nam (nay đổi tên thành Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Bảo An) về việc mua dây chuyền máy móc thiết bị sử dụng cho dự án Nhà máy sản xuất Bảo Ngọc Miền Trung tại Lô U1-U3, đường ven DT602, KCN Hòa Khánh mở rộng, quận Liên Chiểu, TP Đà Nẵng. Thời gian giao hàng theo tiến độ xây dựng nhà máy Bảo Ngọc Miền Trung.

9 . PHẢI THU KHÁC

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Phải thu ngắn hạn khác				
Phải thu về bảo hiểm xã hội	-	-	2,885,717	-
Tạm ứng	35,355,000,000	-	-	-
Ký cược, ký quỹ	27,000,000	-	27,000,000	-
Phải thu khác	377,010,956	-	381,651,956	-
	35,759,010,956	-	411,537,673	-
b) Phải thu dài hạn khác				
Ký cược, ký quỹ	150,000,000	-	150,000,000	-
	150,000,000	-	150,000,000	-

10 . HÀNG TỒN KHO

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	255,868,565,935	-	218,767,650,672	-
Công cụ, dụng cụ	353,368,924	-	348,897,761	-
Thành phẩm	216,243,012,325	-	5,871,820,798	-
Hàng hoá	4,576,600	-	203,143,077,207	-
Hàng gửi đi bán	-	-	10,282,847,527	-
	472,469,523,784	-	438,414,293,965	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***11 . TÀI SẢN DỜ DANG DÀI HẠN****Xây dựng cơ bản dở dang**

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang	48,484,673,227	3,484,769,913
Sửa chữa văn phòng	5,640,364,842	3,210,682,042
Thiết kế Website	255,252,000	255,252,000
Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam (*)	42,360,822,440	-
Cải tạo xưởng sản xuất	228,233,945	18,835,871
	48,484,673,227	3,484,769,913

(*) Dự án Nhà máy Bảo An Hà Nam được xây dựng dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 4324566706 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Nam cấp lần đầu ngày 08/06/2022. Mục tiêu của dự án là sản xuất bao bì màng in, bao bì màng ghép, các loại túi Zipper; Cho thuê văn phòng, nhà xưởng đã xây dựng dư thừa. Địa điểm thực hiện dự án tại Lô C, ô CN8, đường D4, Khu công nghiệp Châu Sơn, phường Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Tổng vốn đầu tư của dự án là 400 tỷ đồng, trong đó vốn góp là 80 tỷ đồng, vốn huy động là 320 tỷ đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

12 . TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Nguyên giá						
Tại ngày 01/01/2024	39,388,761,430	124,881,562,473	9,049,700,908	1,753,057,745	168,430,000	175,241,512,556
Mua sắm	-	127,000,000	-	36,000,000	-	163,000,000
Tại ngày 31/03/2024	39,388,761,430	125,008,562,473	9,049,700,908	1,789,057,745	168,430,000	175,404,512,556
Giá trị hao mòn lũy kế						
Tại ngày 01/01/2024	31,865,806,404	40,419,808,260	5,918,501,999	1,072,460,260	131,987,412	79,408,564,335
Trích khấu hao	599,793,693	2,407,406,929	265,828,653	77,134,096	2,542,506	3,352,705,877
Tại ngày 31/03/2024	32,465,600,097	42,827,215,189	6,184,330,652	1,149,594,356	134,529,918	82,761,270,212
Giá trị còn lại						
Tại ngày 01/01/2024	7,522,955,026	84,461,754,213	3,131,198,909	680,597,485	36,442,588	95,832,948,221
Tại ngày 31/03/2024	6,923,161,333	82,181,347,284	2,865,370,256	639,463,389	33,900,082	92,643,242,344

Trong đó:

- Giá trị còn lại cuối kỳ của tài sản cố định hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 16.461.660.817 đồng.
- Nguyên giá tài sản cố định cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 30.472.221.692 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***13 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH**

Tài sản cố định thuê tài chính là 02 máy móc, thiết bị có tổng nguyên giá là 990.000.000 đồng, số khấu hao trong kỳ là 61.875.000 đồng, khấu hao lũy kế đến 31/03/2024 là 830.729.166 đồng.

14 . TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2024	6,098,456,667	6,098,456,667
Tại ngày 31/03/2024	6,098,456,667	6,098,456,667
Giá trị hao mòn lũy kế		
Tại ngày 01/01/2024	2,510,609,166	2,510,609,166
Trích khấu hao	260,973,834	260,973,834
Tại ngày 31/03/2024	2,771,583,000	2,771,583,000
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2024	3,587,847,501	3,587,847,501
Tại ngày 31/03/2024	3,326,873,667	3,326,873,667

15 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
a) Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	932,342,221	2,636,388,081
Chi phí bảo hiểm	193,122,569	167,785,639
Chi phí kinh doanh, quảng cáo, marketing	2,713,745,487	1,070,798,034
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	1,494,435,737	1,423,956,273
	5,333,646,014	5,298,928,027
b) Chi phí trả trước dài hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	153,438,293	185,595,854
Chi phí phần mềm	-	23,994,000
Chi phí thuê đất	14,432,803,853	14,549,567,138
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	218,986,441	326,689,237
Chi phí trả trước dài hạn khác	30,887,033	45,724,157
	14,836,115,620	15,131,570,386

16 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Giá trị lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con trong kỳ	1,192,406,164	426,123,969
	1,192,406,164	426,123,969

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

17 . PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND
a) Phải trả người bán ngắn hạn				
Công ty TNHH Đầu tư và Thương mại Hà Lan	9,088,655,626	9,088,655,626	7,557,860,767	7,557,860,767
Công ty TNHH CJ FOODS Việt Nam	-	-	1,109,832,300	1,109,832,300
Công ty TNHH Sản xuất Bột Mỹ Vimaflour	4,173,014,000	4,173,014,000	-	-
Công ty Cổ phần XNK thực phẩm Minh Phú	2,348,358,400	2,348,358,400	-	-
Công ty TNHH Hoàng Liên	15,592,300,000	15,592,300,000	-	-
Công ty cổ phần sản xuất bao bì Tây Đô	7,346,944,156	7,346,944,156	1,251,125,559	1,251,125,559
Công ty TNHH Mỹ Lệ	11,310,570,000	11,310,570,000	-	-
Công Ty TNHH Sản Xuất & Thương Mại Thực Phẩm TH	2,509,526,100	2,509,526,100	-	-
Công ty TNHH Sản xuất Thương mại Dịch vụ Việt Á	-	-	13,488,886,488	13,488,886,488
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thương mại Nam Hoa Thành	-	-	9,847,906,140	9,847,906,140
Các khoản phải trả khác	42,870,707,186	42,870,707,186	57,762,700,092	57,762,700,092
	95,240,075,468	95,240,075,468	91,018,311,346	91,018,311,346
b) Phải trả người bán là các bên liên quan	1,251,125,559	1,251,125,559	1,251,125,559	1,251,125,559
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)				

18 . NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	31/03/2024	01/01/2024
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn		
Công ty Cổ phần Create Capital Việt Nam	11,155,057,966	3,655,057,966
Trả trước khác	8,053,587,897	5,098,386,052
	19,208,645,863	8,753,444,018
b) Người mua trả tiền trước là các bên liên quan	200,000,000	-
(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

19 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu kỳ	Số phải nộp đầu kỳ	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối kỳ
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế Giá trị gia tăng	400,000	11,012,465,901	(6,023,739)	1,183,896,291	400,000	9,822,545,871
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	-	13,641,941,825	2,713,724,043	100,000,000	-	16,255,665,868
Thuế Thu nhập cá nhân	-	105,111,585	2,807,728	-	-	107,919,313
Thuế Nhà đất, Tiền thuế đất	-	135,936,000	28,971,830	78,971,830	-	85,936,000
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	20,500,000	20,500,000	-	-
	400,000	24,895,455,311	2,759,979,862	1,383,368,121	400,000	26,272,067,052

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

20 . PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội	820,694,741	129,358,950
Bảo hiểm y tế	65,843,715	21,527,300
Bảo hiểm thất nghiệp	27,340,812	10,145,800
Công ty TNHH XNK Thương Mại Bảo An	6,356,666,916	-
Phải trả khác	3,853,829	1,162,393
	<u><u>7,274,400,013</u></u>	<u><u>162,194,443</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

21 . VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH

	01/01/2024		Trong kỳ		31/03/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
a) Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn						
Vay ngắn hạn Ngân hàng	450,845,837,238	450,845,837,238	262,247,657,141	(233,785,625,366)	479,307,869,013	479,307,869,013
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	75,961,633,938	75,961,633,938	76,409,707,814	(75,991,633,938)	76,379,707,814	76,379,707,814
Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	69,712,570,923	69,712,570,923	29,129,918,893	(28,911,297,071)	69,931,192,745	69,931,192,745
Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh	50,000,000,000	50,000,000,000	16,500,000,000	(16,500,000,000)	50,000,000,000	50,000,000,000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	98,988,263,751	98,988,263,751	38,486,084,160	(38,212,577,443)	99,261,770,468	99,261,770,468
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	61,790,545,200	61,790,545,200	34,720,000,000	(34,723,855,200)	61,786,690,000	61,786,690,000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	40,000,000,000	40,000,000,000	10,000,000,000	-	50,000,000,000	50,000,000,000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh	19,800,000,000	19,800,000,000	4,981,454,759	(2,478,579,443)	22,302,875,316	22,302,875,316
Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	16,942,183,426	16,942,183,426	52,020,491,515	(36,967,682,271)	31,994,992,670	31,994,992,670
Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN	17,650,640,000	17,650,640,000	-	-	17,650,640,000	17,650,640,000
Nợ dài hạn đến hạn trả	2,036,921,000	2,036,921,000	462,450,000	(513,501,000)	1,985,870,000	1,985,870,000
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN	1,764,000,000	1,764,000,000	441,000,000	(441,000,000)	1,764,000,000	1,764,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	85,800,000	85,800,000	21,450,000	(21,450,000)	85,800,000	85,800,000
Nợ thuê tài chính dài hạn	187,121,000	187,121,000	-	(51,051,000)	136,070,000	136,070,000
	452,882,758,238	452,882,758,238	262,710,107,141	(234,299,126,366)	481,293,739,013	481,293,739,013

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Vay và nợ thuê tài chính dài hạn					
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7,511,000,000	7,511,000,000	-	(441,000,000)	7,070,000,000
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam	178,750,000	178,750,000	-	(21,450,000)	157,300,000
Nợ thuê tài chính dài hạn	187,121,000	187,121,000	-	(51,051,000)	136,070,000
	7,876,871,000	7,876,871,000	-	(513,501,000)	7,363,370,000
Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	2,036,921,000	2,036,921,000	462,450,000	(513,501,000)	1,985,870,000
Khoản nợ đến hạn trả sau 12 tháng	5,839,950,000	5,839,950,000			5,377,500,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
I	Vay ngắn hạn							
I	Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam							
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 406-03/2024-HDCVHM/NHCT131-BN ngày 16/01/2024	45,000,000,000	Tài trợ vốn lưu động, nhập khẩu/mua trong nước nguyên vật liệu/hàng hóa liên quan đến hoạt động kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	76,379,707,814	76,379,707,814	
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 05-03/2024-HDCVHM/NHCT131-HH ngày 09 tháng 01 năm 2024.	60,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	27,332,426,310	27,332,426,310	- Các Hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong Hợp đồng cho vay hạn mức. - Các hợp đồng thế chấp tài sản được quy định trong hợp đồng cho vay.
	Hợp đồng cho vay hạn mức số 313/2023-HDCVHM/NHCT131-THANHNAM ngày 10 tháng 10 năm 2023.	20,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 04 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	16,438,267,781	16,438,267,781	- Hợp đồng thế chấp bất động sản công chứng 011214, quyền số 7/2023 TP/CC-SCC/HDGD ký ngày 28/07/2023 giữa Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và bà Lê Thu Huyền và các văn bản sửa đổi bổ sung nếu có.

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SÀN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo
2	Ngân hàng TNHH MTV Hong Leong Việt Nam	70,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	Quy định trong giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	69,931,192,745	69,931,192,745	Đơn vị tính: VND - Cẩm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. - Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông chính (ông Lê Đức Thuận).
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/02/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và hợp đồng bổ sung số HN/2022/02/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023					22,562,123,458	22,562,123,458	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/04/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023					35,960,087,642	35,960,087,642	
	Hợp đồng tín dụng số HN/2022/03/BCB/HĐTD ngày 12/01/2022 và Hợp đồng bổ sung số HN/2022/03/BCB/HĐTD/BS1 ngày 11/01/2023					11,408,981,645	11,408,981,645	
3	Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - CN Bắc Ninh	50,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Quy định trong từng giấy nhận nợ	50,000,000,000	50,000,000,000	Đơn vị tính: VND Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông lớn (ông Lê Đức Thuận).
	Hợp đồng cho vay hạn mức số VNI23001244/2023-HĐCVHM/WBVN300 ngày 28/02/2023					50,000,000,000	50,000,000,000	
4	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	100,000,000,000	Bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C	Tối đa 12 tháng kể từ ngày giải ngân	Áp dụng từng lần giải ngân	99,261,770,468	99,261,770,468	Đơn vị tính: VND Đảm bảo bằng 100% số dư tài khoản tiền gửi từ hoạt động SXKD bằng VND và ngoại tệ của doanh nghiệp trên tài khoản của Doanh nghiệp tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam và các tổ chức tín dụng khác.
	Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2023/4887990/HĐTD ngày 27/07/2023					99,261,770,468	99,261,770,468	

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

STT	Tên ngân hàng/Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo	Đơn vị tính: VND
5	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Hợp đồng cho vay hạn mức số 01/2023/CVHM/VCBHN-BAONGOC ngày 14/07/2023	62.000.000.000	Tài trợ cho các nhu cầu tín dụng ngắn hạn, hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	Quy định trong từng giấy nhận nợ	Quy định trong từng giấy nhận nợ	61,786,690,000	61,786,690,000	- Quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 628 và số 629 tại địa chỉ phường Long Phước, thành phố Thủ Đức, TP.HCM thuộc sở hữu của ông Lê Đức Thuận và bà Lê Thu Huyền. - Hàng hóa luân chuyển và các khoản phải thu trong quá trình sản xuất kinh doanh theo Hợp đồng thế chấp số 01/2021/TCHHKPT/VCB-BN ngày 22/06/2021.	
6	Ngân hàng TMCP Quân Đội Hợp đồng cấp tín dụng số 170435.23.056.1516289.TD ngày 02/11/2023	50.000.000.000	Phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh bán kẹo của khách hàng	Từ ngày giao kết hợp đồng đến ngày 23/10/2024	Theo từng giấy nhận nợ	50,000,000,000	50,000,000,000	- Tài sản thế chấp là toàn bộ hàng hóa đã, đang và sẽ hình thành luân chuyển trong quá trình sản xuất, kinh doanh của bên thế chấp tại Thôn Vực, xã Di Trạch, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội. - Toàn bộ số tiền/ số dư và lãi phát sinh trên tài khoản ngân hàng số 0081101308006 mở tại Ngân	
7	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng Hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số 200623-11366296-01-SME ngày 22/06/2023	50.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	22,302,875,316	22,302,875,316	- Cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn. - Bảo lãnh bằng tài sản của cổ đông.	
6	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam Hợp đồng tín dụng hạn mức số 112-00008871.04747/2023/HHTD ngày 02/08/2023	20.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh/phát hành bảo lãnh L/C của khách hàng	12 tháng	Theo từng giấy nhận nợ	31,994,992,670	31,994,992,670	- Không có tài sản đảm bảo.	
7	Ngân hàng TMCP Xuất Nhập khẩu VN Việt Nam Hợp đồng tín dụng số 1805-LAV-230106957 ngày 20/12/2023	18.000.000.000	Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh nông sản điều	12 tháng	Áp dụng theo từng lần giải ngân	17,650,640,000	17,650,640,000	- Các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Đỗ Thị Tâm được chi tiết trong Hợp đồng bảo đảm.	
	Tổng cộng vay ngắn hạn					479,307,869,013	479,307,869,013		

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm, phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay:

Đơn vị tính: VND										
STT	Tên ngân hàng/ Hợp đồng tín dụng	Hạn mức tín dụng	Mục đích vay	Thời hạn của hợp đồng	Lãi suất cho vay	Dư nợ tại thời điểm 31/03/2024	Nợ đến hạn trả trong vòng 12 tháng	Tài sản đảm bảo		
II	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn									
1	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam									
	Hợp đồng cho vay từng lần trung dài hạn số 004/TBN- TSN/21TDH ngày 14/01/2021	11,921,000,000	Đầu tư hệ thống dây chuyền sản xuất bánh bông lan chà bông tự động mới 100%.	84 tháng	Áp dụng từng lần giải ngân	7,070,000,000	1,764,000,000	- Tài sản hình thành từ vốn vay - Quyền sử dụng đất và nhà ở tại 68 đường Phạm Ngọc Thào, phường Tây Thạnh, quận Tân Phú, TP.HCM theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và nhà ở số 003/TBN-TSN/21TC ngày 14/01/2021.		
2	Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam									
	Hợp đồng tín dụng số SHBVN/RMC/2021/HDDT- 0079 ngày 15/01/2021	429,000,000	Mua xe ô tô phục vụ kinh doanh	60 tháng	8,5%/năm	157,300,000	85,800,000	Tài sản hình thành từ vốn vay		
3	Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam									
	Hợp đồng số 01.1113/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	605,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	136,070,000	136,070,000	Ký cược bảo đảm		
	Hợp đồng số 01.1114/2020/TSC-CTTC ngày 25 tháng 09 năm 2020	484,000,000	Thuê máy móc thiết bị phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh	48 tháng	8,5%/năm	75,590,000	75,590,000	Ký cược bảo đảm		
Tổng cộng vay và nợ thuê tài chính dài hạn						7,363,370,000	1,985,870,000			
Tổng cộng vay						486,671,239,013	481,293,739,013			

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

22 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI

	<u>31/03/2024</u>	<u>01/01/2024</u>
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	2,495,358,354	1,621,830,623
	<u><u>2,495,358,354</u></u>	<u><u>1,621,830,623</u></u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

23 . VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Quý I năm 2023						
Tại ngày 01/01/2023	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	91,948,617,585	7,630,992,762	431,254,834,246
Lãi trong kỳ trước	-	-	-	6,206,383,455	970,544	6,207,353,999
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	-	(1,388,621,502)	4,271,114,113	2,882,492,611
Tại ngày 31/03/2023	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	96,766,379,538	11,903,077,419	440,344,680,856
Quý I năm 2024						
Tại ngày 01/01/2024	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	137,172,879,256	12,676,038,123	481,524,141,278
Lãi trong kỳ này	-	-	-	7,290,489,414	(548,265,666)	6,742,223,748
Hợp nhất công ty con mua trong kỳ	-	-	-	-	624,154,275	624,154,275
Tại ngày 31/03/2024	249,998,550,000	79,978,400,000	1,698,273,899	144,463,368,670	12,751,926,732	488,890,519,301

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Tỷ lệ (%)	31/03/2024 VND	Tỷ lệ (%)	01/01/2024 VND
Ông Lê Đức Thuận	36.06%	90,157,350,000	36.06%	90,157,350,000
Vốn góp của các cổ đông khác	63.94%	159,841,200,000	63.94%	159,841,200,000
	100%	249,998,550,000	100%	249,998,550,000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Quý I năm 2024 VND	Quý I năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	249,998,550,000	249,998,550,000
- <i>Vốn góp đầu kỳ</i>	249,998,550,000	249,998,550,000
- <i>Vốn góp cuối kỳ</i>	249,998,550,000	249,998,550,000

d) Cổ phiếu

	31/03/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24,999,855	24,999,855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24,999,855	24,999,855
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24,999,855	24,999,855
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	24,999,855	24,999,855
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10,000	10,000

e) Các quỹ công ty

	31/03/2024 VND	01/01/2024 VND
Quỹ đầu tư phát triển	1,698,273,899	1,698,273,899
	1,698,273,899	1,698,273,899

24 . DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Quý I năm 2024 VND	Quý I năm 2023 VND
Doanh thu bán thành phẩm	280,995,800,200	32,580,137,871
Doanh thu bán hàng hóa	32,865,568,440	183,330,177,384
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	19,648,871
	313,861,368,640	215,929,964,126
Doanh thu đối với các bên liên quan <i>(Xem thông tin chi tiết tại thuyết minh số 38.)</i>	37,811,526	94,597,853,439

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***25 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU**

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Chiết khấu thương mại	45,344,326	31,846,735
Hàng bán bị trả lại	3,844,454,633	2,091,779,915
Giảm giá hàng bán	378,549,310	-
	4,268,348,269	2,123,626,650

26 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	247,045,797,258	26,384,089,843
Giá vốn của hàng hóa đã bán	29,761,330,267	159,018,267,621
	276,807,127,525	185,402,357,464

27 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	751,641,767	60,172,816
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	1,461,783,594	190,946,856
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1,220,500	389,906
	2,214,645,861	251,509,578

28 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Lãi tiền vay	6,820,097,999	7,684,466,665
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	59,209,722	425,144,710
Chi phí tài chính khác	-	711,932
	6,879,307,721	8,110,323,307

29 . CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	4,749,999	52,306,452
Chi phí nhân công	3,485,083,211	2,727,603,557
Chi phí khấu hao tài sản cố định	176,075,193	263,476,860
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9,666,553,090	3,398,249,522
Chi phí khác bằng tiền	-	15,750,000
	13,332,461,493	6,457,386,391

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**

Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***30 . CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ	294,644,422	194,248,277
Chi phí nhân công	2,056,993,794	1,824,446,417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	916,877,701	1,032,942,475
Thuế, phí, lệ phí	392,829,321	308,903,580
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2,250,044,571	1,923,203,981
Lợi thế thương mại	168,788,048	25,979,093
Chi phí khác bằng tiền	107,435,163	101,799,778
	6,187,613,020	5,411,523,601

31 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	8,582,420,060	8,067,013,818
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2,713,724,043	2,648,541,967
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	2,713,724,043	2,648,541,967

32 . THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOẢN LẠI

	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
	VND	VND
Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại	20%	20%
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	(873,527,731)	(788,882,148)
	(873,527,731)	(788,882,148)

33 . LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau :

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế	7,290,489,414	6,206,383,455
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	7,290,489,414	6,206,383,455
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong kỳ	24,999,855	24,999,855
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	292	248

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Từ 01/01/2024 đến 31/03/2024	Từ 01/01/2023 đến 31/03/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	261,185,915,098	225,302,996,975
Chi phí nhân công	11,719,725,970	8,503,939,994
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3,567,724,109	3,886,568,267
Chi phí thuế và lệ phí	392,829,321	72,497,176
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13,749,461,649	5,968,641,472
Chi phí khác bằng tiền	107,435,163	117,966,445
	290,723,091,310	243,852,610,329

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Các loại công cụ tài chính của Công ty bao gồm:

	Giá trị sổ kế toán			
	31/03/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79,507,994,666	-	69,971,637,261	-
Phải thu khách hàng, phải thu khác	237,315,264,403	-	196,389,477,462	-
Đầu tư ngắn hạn	26,000,000,000	-	24,000,000,000	-
	342,823,259,069	-	290,361,114,723	-
Nợ phải trả tài chính				
Vay và nợ			486,671,239,013	458,722,708,238
Phải trả người bán, phải trả khác			102,514,475,481	91,180,505,789
Chi phí phải trả			-	438,279,632
			589,185,714,494	550,341,493,659

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chưa được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính của Công ty bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá, tỷ giá hối đoái và lãi suất.

Rủi ro về giá:

Công ty chịu rủi ro về giá của các công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư cổ phiếu ngắn hạn và dài hạn do tính không chắc chắn về giá tương lai của cổ phiếu đầu tư. Các khoản đầu tư cổ phiếu dài hạn được nắm giữ với mục đích chiến lược lâu dài, tại thời điểm kết thúc năm tài chính Công ty chưa có kế hoạch bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro về tỷ giá hối đoái:

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam.

Rủi ro về lãi suất:

Công ty chịu rủi ro về lãi suất do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường khi Công ty có phát sinh các khoản tiền gửi có hoặc không có kỳ hạn, các khoản vay và nợ chịu lãi suất thả nổi. Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động sản xuất kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	79,507,994,666	-	-	79,507,994,666
Phải thu khách hàng, phải thu khác	237,165,264,403	150,000,000	-	237,315,264,403
Đầu tư ngắn hạn	26,000,000,000	-	-	26,000,000,000
	342,673,259,069	150,000,000	-	342,823,259,069
Tại ngày 01/01/2024				
Tiền và các khoản tương đương tiền	69,971,637,261	-	-	69,971,637,261
Phải thu khách hàng, phải thu khác	196,239,477,462	150,000,000	-	196,389,477,462
Đầu tư ngắn hạn	24,000,000,000	-	-	24,000,000,000
	290,211,114,723	150,000,000	-	290,361,114,723

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn khác nhau.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng (trên cơ sở dòng tiền của các khoản gốc) như sau:

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Trên 5 năm VND	Cộng VND
Tại ngày 31/03/2024				
Vay và nợ	481,293,739,013	5,377,500,000	-	486,671,239,013
Phải trả người bán, phải trả khác	102,514,475,481	-	-	102,514,475,481
	583,808,214,494	5,377,500,000	-	589,185,714,494
Tại ngày 01/01/2024				
Vay và nợ	452,882,758,238	5,839,950,000	-	458,722,708,238
Phải trả người bán, phải trả khác	91,180,505,789	-	-	91,180,505,789
Chi phí phải trả	438,279,632	-	-	438,279,632
	544,501,543,659	5,839,950,000	-	550,341,493,659

36 . NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌCTòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội**Báo cáo tài chính hợp nhất**
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***37 . BÁO CÁO BỘ PHẬN****Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động sản xuất, thương mại	Các hoạt động khác	Tổng cộng toàn doanh nghiệp
	VND	VND	VND
Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	309,593,020,371	-	309,593,020,371
Lợi nhuận gộp từ hoạt động kinh doanh	32,785,892,846	-	32,785,892,846
Tổng chi phí mua TSCĐ	163,000,000	-	163,000,000
Tài sản bộ phận trực tiếp	766,678,290,409	-	766,678,290,409
Tài sản không phân bổ	-	-	360,050,076,908
Tổng tài sản	766,678,290,409	-	1,126,728,367,317
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	630,563,448,003	-	630,563,448,003
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	7,274,400,013
Tổng nợ phải trả	630,563,448,003	-	637,837,848,016

Theo khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh trong kỳ của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam nên Công ty không lập Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

38 . NGHIỆP VỤ VÀ SỔ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong kỳ, Công ty có các giao dịch phát sinh và số dư tại ngày kết thúc kỳ kế toán với các bên liên quan như sau:

Giao dịch phát sinh trong kỳ:

	Mối quan hệ	Quý I năm 2024	Quý I năm 2023
		VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ			
Công ty CP Á Long	(*)	37,811,526	2,614,573,822
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	91,968,400,000
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	-	14,879,617
Mua hàng hóa, dịch vụ			
Công ty CP Á Long	(*)	37,868,179	237,191,400
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	177,245,120,000
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	43,378,926	17,999,828,084

Số dư tại ngày kết thúc kỳ:

	Mối quan hệ	31/03/2024	01/01/2024
		VND	VND
Phải thu khách hàng			
Công ty CP Á Long	(*)	-	6,296,719
Công ty CP ABG Việt Nam	(**)	-	75,220
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	-	43,378,926
Trả trước cho người bán			
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	9,700,243,139	9,700,243,139
Phải trả người bán			
Công ty CP Sản xuất Bao Bi Tây Đô	(***)	1,251,125,559	1,251,125,559
Người mua trả tiền trước			
Công ty CP Á Long	(*)	200,000,000	-

(*) Chủ tịch HĐQT của Công ty, đồng thời là cổ đông lớn kiêm Tổng giám đốc của Công ty trên.

(**) Đến ngày 05/12/2023, Công ty Cổ phần ABG Việt Nam không còn là bên liên quan với Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc.

(***) Giám đốc Công ty trên đồng thời là Thành viên HĐQT của Công ty. Đến ngày 10/01/2024, Công ty trên không còn là bên liên quan với Công ty Cổ phần Đầu tư Sản xuất Bảo Ngọc.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ SẢN XUẤT BẢO NGỌC

Tòa nhà Bảo Ngọc, Lô A2CN8 Cụm công nghiệp Từ Liêm,
phường Phương Canh, quận Nam Từ Liêm, Hà Nội

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho kỳ kế toán Quý I năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

Giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Quý I năm 2024</u>	<u>Quý I năm 2023</u>
	VND	VND
Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc	119,449,257	-
Ông Nguyễn Trung Hiếu Thành viên HĐQT	84,477,552	-
Bà Lê Thị Thanh Huyền Trưởng ban kiểm soát	34,971,705	-

39 . SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán là số liệu trên Bảng Cân đối kế toán hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán TTP. Số liệu so sánh trên Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh tương ứng là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất quý 1 năm 2023 do Công ty lập.




Lại Thị Thu Hà
Người lập

Nguyễn Duy Quyết
Kế toán trưởng



Lê Đức Thuận
Chủ tịch Hội đồng quản trị

Hà Nội, ngày 29 tháng 04 năm 2024